

LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 02/2026 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các quy định của Tập đoàn đã ban hành.
- **Phần 2:** Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ đang lấy ý kiến; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến khi nhận được yêu cầu góp ý của Bộ.

- **Phần 3:** Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.

b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai văn bản quy phạm pháp luật.

Ban Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

Lưu ý: Bản tin chỉ trích dẫn một số nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, đề nghị các đơn vị, cá nhân tìm đọc chi tiết toàn văn văn bản.

Phần 1: Các quy chế, quy định, quy trình của Tập đoàn đã ban hành

1. Quyết định số 14/QĐ-VNPT-HĐTV-PTTT ngày 04/02/2026 Quy chế về hoạt động an sinh xã hội của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice: 811552).
2. Quyết định số 150/QĐ-VNPT- CN ngày 02/02/2026 Ban hành phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai (số eOffice: 65904).
3. Quyết định số 95/QĐ-VNPT-CLG ngày 21/01/2026 Quy trình quản lý hoạt động sáng kiến và đổi mới sáng tạo của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (số eOffice:12002).
4. Quyết định số 01/QĐ-VNPT-HĐTV-NL-KHĐT-KTTC ngày 08/1/2026 Sửa đổi, bổ sung Điều 30, Điều 31 Quy chế quản lý vốn, người đại diện, người được ủy quyền và người của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam làm Kiểm soát viên tại các doanh nghiệp khác (Số eOffice:113262).

Phần 2: Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của các Bộ lấy ý kiến

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
1	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo	06/02/2026	Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)
2	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo có rủi ro cao	06/02/2026	Ban Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)
3	Dự thảo Thông tư quy định danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng	08/02/2026	Ban Chiến lược sản phẩm, Ban Chất lượng (Tập đoàn)
4	Dự thảo Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, Danh mục công nghệ chiến lược và	05/02/2026	Ban Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn)

	Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược		
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp	02/02/2026	Ban Kế toán – Tài chính, Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
2	Dự thảo Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài và Thông tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài	28/01/2026	Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
3	Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh	19/01/2026	Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)
4	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư 2025	16/01/2026	Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)

Đơn vị/cá nhân có góp ý đối với các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin gửi về Ban Pháp chế - Thanh tra (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.

Phần 3: Các VBQPPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo số 75/2025/QH15

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Quảng cáo trên mạng phải bảo đảm nhận diện, kiểm soát và cảnh báo vi phạm

- Từ ngày 01/01/2026, hoạt động quảng cáo trên mạng sẽ phải tuân thủ hàng loạt quy định mới theo Luật số 75/2025/QH15. Trong đó, yêu cầu về nhận diện nội dung quảng cáo, kiểm soát đường dẫn vi phạm và cảnh báo người dùng là những nội dung đặc biệt quan trọng, được quy định cụ thể tại Điều 23, cụ thể như sau:

+ Phải có dấu hiệu nhận diện rõ ràng bằng chữ số, chữ viết, ký hiệu, hình ảnh, âm thanh để phân biệt nội dung quảng cáo với nội dung khác.

+ Quảng cáo không ở vùng cố định phải có: (i) Tính năng, biểu tượng cho phép người dùng tắt quảng cáo, (ii) Thông báo nội dung quảng cáo vi phạm cho nhà cung cấp dịch vụ, (iii) Tùy chọn từ chối nội dung không phù hợp.

+ Đối với những quảng cáo có chứa đường dẫn đến nội dung khác thì nội dung được dẫn đến phải: (i) Tuân thủ pháp luật Việt Nam (ii) Được người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo kiểm tra, giám sát nội dung được dẫn đến.

- Người quảng cáo, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo, người chuyển tải sản phẩm quảng cáo tham gia hoạt động quảng cáo trên mạng có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 12, 13, 14 và 15a của Luật số 75/2025/QH15 và phải tuân thủ:

+ Quy định của pháp luật về quảng cáo, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ trẻ em, quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; phải đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế đối với doanh thu phát sinh từ dịch vụ quảng cáo theo quy định của pháp luật về thuế;

+ Không đặt sản phẩm quảng cáo vào trong, bên cạnh, liền sau hoặc trước nội dung vi phạm pháp luật; không quảng cáo trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến, nền tảng số vi phạm pháp luật;

+ Không hợp tác quảng cáo với tổ chức, cá nhân, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến, nền tảng số và tài khoản, kênh nội dung, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công khai thông báo vi phạm pháp luật;

+ Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động quảng cáo trên mạng có dấu hiệu vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Chấp hành các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp xử lý khác của cơ quan, người có thẩm quyền khi vi phạm pháp luật về quảng cáo.

- Người quảng cáo, người phát hành quảng cáo, người chuyển tải sản phẩm quảng cáo khi giao kết hợp đồng với người kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng có quyền và nghĩa vụ sau:

+ Yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo tuân thủ quy định “*Không đặt sản phẩm quảng cáo vào trong, bên cạnh, liền sau hoặc trước nội dung vi phạm pháp luật; không quảng cáo trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến, nền tảng số vi phạm pháp luật*”.

+ Yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo có giải pháp kỹ thuật để người quảng cáo, người phát hành quảng cáo tại Việt Nam có thể kiểm soát và loại bỏ các sản phẩm quảng cáo vi phạm pháp luật trên hệ thống cung cấp dịch vụ.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Văn phòng Tập đoàn, Ban Phát triển thị trường, Ban Truyền thông (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc, Focal nghiên cứu thực hiện.

2. Luật Đầu tư số 143/2025/QH15

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Cắt giảm nhiều ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

So với Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (“Luật Đầu tư năm 2020”), phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 (“Luật Đầu tư năm 2025”) đã cắt giảm, sửa đổi phạm vi của một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Một số ngành nghề cắt giảm kể đến như kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan, kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động...

Điều 7 Luật Đầu tư năm 2025 cũng quy định Chính phủ công bố danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện cần thiết phải cấp phép, chứng nhận trước khi thực hiện hoạt động và danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải chuyên phương thức quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang công bố yêu cầu, điều kiện kinh doanh để quản lý theo phương thức hậu kiểm.

Nhà đầu tư nước ngoài có thể thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Khoản 2 Điều 19 Luật Đầu tư năm 2025 cho phép nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhưng phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường. Cụ thể:

“2. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 8 của Luật này khi thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế.

Làm rõ phạm vi dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

Điều 24 Luật Đầu tư năm 2025 đã liệt kê cụ thể 20 loại dự án phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư như:

- Dự án sử dụng đất, tài nguyên lớn hoặc nhạy cảm: chuyển mục đích sử dụng rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) với diện tích lớn; chuyển đất trồng lúa từ 500 ha trở lên; dự án có di dân tái định cư quy mô lớn; dự án tại khu vực ảnh hưởng quốc phòng, an ninh; dự án đề nghị giao khu vực biển.

- Dự án thuộc lĩnh vực: điện hạt nhân; casino, đặt cược; chế biến dầu khí; kinh doanh vận chuyển hàng không; dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng viễn thông,...

- Dự án liên quan di sản, đô thị đặc thù: dự án trong khu vực bảo vệ di tích quốc gia, di sản thế giới; dự án tại khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị loại đặc biệt.

- Dự án hạ tầng, bất động sản quy mô lớn: xây dựng nhà ở, khu đô thị (khi nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất); sân gôn; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ số; cảng biển lớn; cảng hàng không, sân bay và hạ tầng hàng không quan trọng.

- Dự án có yêu cầu đặc biệt: đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (trừ một số trường hợp được loại trừ); dự án cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù khác luật; các dự án khác thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ theo quy định pháp luật.

Bỏ 2 trường hợp phải điều chỉnh dự án đầu tư

Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2025 thì nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư phải thực hiện thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi, bổ sung nội dung, mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng theo quy định của Chính phủ, thay đổi địa điểm đầu tư;

- Kéo dài tiên độ thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp điều chỉnh tiên độ quá 24 tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 33;

- Điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án đầu tư;

- Thay đổi nhà đầu tư của dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư trước khi dự án khai thác, vận hành hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

So với Luật Đầu tư năm 2020, Điều 33 Luật Đầu tư năm 2025 đã bỏ 02 trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư là thay đổi tổng vốn đầu tư từ 20% trở lên và thay đổi công nghệ đã được thẩm định và giữ lại 05 trường hợp doanh nghiệp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư. Quy định mới đã đơn giản hoá thủ tục, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư, tránh việc điều chỉnh nhỏ cũng phải điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Mở rộng áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt

Theo Điều 28 Luật Đầu tư năm 2025, nhà đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo theo thủ tục đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu chức năng trong khu kinh tế, trừ dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Chính phủ.

Dự án đăng ký đầu tư theo theo thủ tục đầu tư đặc biệt không phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thẩm định công nghệ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch chi tiết, cấp Giấy phép xây dựng và các thủ tục để được phê duyệt, chấp thuận, cho phép trong lĩnh vực xây dựng, phòng cháy, chữa cháy.

Nhà đầu tư phải có văn bản cam kết đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đề xuất dự án đầu tư bao gồm nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường thay thế cho đánh giá sơ bộ tác động môi trường, việc sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao (nếu có).

Điều chỉnh thời hạn hoạt động dự án đầu tư

Điều 31 Luật Đầu tư năm 2025 vẫn giữ quy định thời hạn dự án đầu tư không quá 50 năm với dự án ngoài khu kinh tế hoặc không quá 70 năm với dự án trong khu kinh tế. Điểm mới là nhà đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm thời hạn hoạt động của dự án trong quá trình triển khai. Cụ thể, khoản 4 Điều 31 Luật Đầu tư năm 2025 quy định: “4. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm thời hạn hoạt động của dự án đầu tư. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không được vượt quá thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

Bãi bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

- Luật Đầu tư năm 2025 đã không còn quy định về thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài, chỉ quy định về việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận trước khi cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án đầu tư ra nước ngoài có quy mô vốn lớn hoặc dự án đề xuất áp dụng cơ chế chính sách hỗ trợ đặc biệt.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Đầu tư năm 2025: Bộ Tài chính cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án có mức vốn đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ hoặc dự án đầu tư có lĩnh vực thuộc ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật này. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho tổ chức thuộc Bộ.

- Đối với dự án đầu tư ra nước ngoài có quy mô vốn lớn hoặc dự án đề xuất áp dụng cơ chế chính sách hỗ trợ đặc biệt, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận trước khi cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, trừ trường hợp quy định.

- Đối với dự án đầu tư khác (nhỏ hơn mức quy định của Chính phủ, dự án gắn với quốc phòng an ninh, dự án đầu tư ra nước ngoài của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và tổ chức kinh tế khác theo quy định của Chính phủ) thì chỉ cần thực hiện việc đăng ký giao dịch ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước để chuyển tiền ra nước ngoài.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

3. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15

Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Luật hoá khái niệm chuyển đổi số

Theo Điều 3 Luật Chuyển đổi số 2025, Chuyển đổi số được hiểu là quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, hệ thống số, nền tảng số, quy trình số nhằm tạo ra giá trị mới, hiệu quả

và minh bạch. Hạ tầng số là tập hợp các hệ thống kỹ thuật, kết nối, điện toán, lưu trữ và các thành phần công nghệ số bảo đảm cho hoạt động trên môi trường số, bao gồm cơ sở hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng truyền dẫn cho kết nối máy tới máy.

Hệ thống số là sự phát triển của hệ thống thông tin, bao gồm các thành phần công nghệ số, dữ liệu số, nền tảng số, phần mềm, phần cứng, thuật toán, mô hình xử lý và thiết bị kết nối được tổ chức để tạo lập, xử lý, lưu trữ, kết nối và vận hành dịch vụ số hoặc quy trình số trên môi trường số; bao gồm cả trường hợp hoạt động điều hành theo thời gian thực.

Nền tảng số là hệ thống thông tin nhằm tạo môi trường số cho phép các bên thực hiện giao dịch hoặc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc sử dụng để phát triển sản phẩm, dịch vụ.

Môi trường số là không gian hoạt động, tương tác, giao dịch và cung cấp dịch vụ được hình thành và vận hành thông qua hạ tầng số, hạ tầng số công cộng, hệ thống số, nền tảng số và dữ liệu số.

Chính phủ số là mô hình để tổ chức và vận hành của cơ quan nhà nước trên môi trường số, dựa trên dữ liệu số, hạ tầng số, hệ thống số và nền tảng số để ra quyết định kịp thời, điều hành hiệu quả, bảo đảm minh bạch và kết nối, liên thông với tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Kinh tế số là hoạt động kinh tế dựa trên dữ liệu số, hạ tầng số, hệ thống số, nền tảng số và mô hình vận hành số.

Xã hội số là trạng thái xã hội trong đó cá nhân, tổ chức chủ yếu hoạt động, tương tác thông qua các dịch vụ số, hệ thống số, nền tảng số và môi trường số.

Quy định về các hành vi bị cấm trong hoạt động chuyển đổi số

Theo Điều 5 Luật Chuyển đổi số, những hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Cản trở, phá hoại hoạt động chuyển đổi số; làm gián đoạn, đình trệ hoặc gây mất an toàn cho hệ thống số của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- Truy cập, can thiệp trái phép, làm sai lệch, vô hiệu hóa hoặc gây tổn hại đến hệ thống số, dữ liệu số, nền tảng số và dịch vụ số.
- Thu thập, sử dụng, chia sẻ, mua bán hoặc khai thác dữ liệu số trái quy định pháp luật.

- Lợi dụng chuyển đổi số để lừa đảo, thao túng, trục lợi, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Lợi dụng chức trách, quyền hạn để gây cản trở, phân biệt đối xử, tạo độc quyền, cát cứ hoặc hạn chế cạnh tranh trong phát triển, vận hành hoặc khai thác hệ thống số.

Lấy người sử dụng làm trung tâm

Cụ thể, theo Điều 6 Luật Chuyển đổi số 2025 quy định về nguyên tắc chuyển đổi số như sau:

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, lấy người sử dụng làm trung tâm, nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo giá trị mới cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ và sử dụng lại dữ liệu, khai báo 1 lần là mặc định để nâng cao hiệu quả quản lý, hạn chế trùng lặp, giảm thủ tục và nâng cao năng lực ra quyết định.

- Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư theo quy định của pháp luật; khuyến khích áp dụng các biện pháp tiên tiến để nâng cao mức độ an toàn.

- Được triển khai linh hoạt, thích ứng với đổi mới công nghệ; khuyến khích thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực.

- Bảo đảm tính bao trùm, tạo điều kiện để mọi tổ chức và cá nhân đều có cơ hội tiếp cận, sử dụng dịch vụ số thuận lợi, an toàn và hiệu quả.

- Bảo đảm minh bạch và trách nhiệm giải trình đối với các quyết định dựa trên công nghệ số nhằm nâng cao niềm tin của người sử dụng.

- Khuyến khích gắn với hoạt động đo lường, đánh giá, giám sát và cải thiện liên tục để nâng cao hiệu quả triển khai và chất lượng dịch vụ.

- Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc chuyển đổi số. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước áp dụng các nguyên tắc này trong hoạt động của mình.

Hạ tầng số - dữ liệu số - nền tảng số

Theo Điều 9 Luật Chuyển đổi số 2025 quy định về chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số như sau:

- Phát triển hạ tầng số thống nhất, an toàn, tin cậy và có khả năng mở rộng, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ và cung cấp dịch vụ số.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển dữ liệu số, bảo đảm khả năng truy cập, chia sẻ, sử dụng lại và khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích phát triển và sử dụng nền tảng số dùng chung, nền tảng số mở và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ quản trị, cung cấp dịch vụ và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm khả năng tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng trong chuyển đổi số, đặc biệt trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, lao động, việc làm và an sinh xã hội.

- Bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu trong hoạt động chuyển đổi số; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường số.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo, thử nghiệm có kiểm soát và ứng dụng công nghệ số mới nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ và phát triển sản phẩm, dịch vụ số.

- Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống số, nền tảng số, đặc biệt là nền tảng số trung gian có quy mô lớn, rất lớn nhằm bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, an toàn, minh bạch trên môi trường số.

- Bảo đảm điều phối thống nhất giữa các Bộ, ngành, địa phương; hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số; tránh phân tán nguồn lực, trùng lặp hệ thống, nền tảng và dữ liệu.

- Thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao; phổ cập, phát triển năng lực số cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, bảo đảm khả năng triển khai, vận hành và thụ hưởng chuyển đổi số an toàn, bền vững; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi nghề nghiệp đối với lực lượng lao động bị ảnh hưởng hoặc mất việc làm do quá trình chuyển đổi số.

- Phát triển công dân số, thúc đẩy các điều kiện tiếp cận, sử dụng dịch vụ số cơ bản công bằng, tối thiểu bao gồm danh tính điện tử, năng lực số cơ bản, chứng thư chữ ký số theo pháp luật về giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ viễn thông cơ bản theo pháp luật về viễn thông, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo pháp luật về ngân hàng.

- Có chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng chuyển đổi số, thu hẹp khoảng cách số, hỗ trợ tiếp cận, khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số, thiết bị công nghệ số, năng lực số, nâng cao năng lực tiếp cận thông tin, tri thức chuyển đổi số cho người khuyết tật,

người cao tuổi, trẻ em; người dân sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; các nhóm dễ bị tổn thương khác trong xã hội theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan nhà nước công khai, minh bạch các kế hoạch chuyển đổi số ngay sau khi phê duyệt để tạo cơ hội thị trường cho các thành phần kinh tế; khuyến khích sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số do doanh nghiệp Việt Nam sản xuất, làm chủ công nghệ; thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, giải quyết các bài toán lớn của quốc gia.

Thu hút, trọng dụng chuyên gia về chuyển đổi số

Theo Điều 18 Luật Chuyển đổi số, quy định về việc thu hút, trọng dụng chuyên gia về chuyển đổi số như sau:

- Nhà nước thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt nhằm thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhân tài, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật khác có liên quan.

- Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước được phép thuê chuyên gia, cộng tác viên như sau:

Chủ động lựa chọn hình thức và thời hạn giao kết với các nhân sự và chuyên gia trong nước, nước ngoài

Doanh nghiệp nhà nước được hợp tác, trao đổi, sử dụng chuyên gia và nhân sự phục vụ hoạt động chuyển đổi số

Người có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong chuyển đổi số được tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Công nghệ, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Focal nghiên cứu thực hiện.

4. Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Nghị quyết đã sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ tại Phụ lục II. Danh mục các nhiệm vụ triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*chi tiết được đăng tải trên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn>, chuyên mục “VBQPPL”*).

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

5. Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách Nhà nước chi cho đầu tư công bao gồm:

- Dự án đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định.

- Dự án mua dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua phần mềm thương mại; mua thiết bị phần cứng riêng lẻ; mua thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu không thuộc hoạt động quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định.

- Dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư

- Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin khẩn cấp thực hiện theo quy định tại Điều 45 của Luật Đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết;

- Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 21 Điều 7 của Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý sử dụng tài sản công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết.

Quản lý chi phí, quản lý chất lượng

- Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có hạng mục đầu tư thuộc công trình viễn thông, xây dựng công trình và các lĩnh vực khác thì việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục đầu tư đó thực hiện theo quy định của pháp luật về viễn thông, pháp luật về xây dựng và pháp luật chuyên ngành khác (nếu có).

- Dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin thì việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin đó thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Đối với dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án

Trường hợp một dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án, trong đó nếu từng dự án thành phần hoặc tiểu dự án có thể độc lập vận hành, khai thác hoặc thực hiện theo phân kỳ đầu tư được ghi trong chủ trương đầu tư thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án đó được thực hiện ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư (trừ bước lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư) như một dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin độc lập. Dự án thành phần hoặc tiểu dự án thuộc nhóm nào thì trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án được thực hiện theo trình tự, thủ tục của dự án nhóm đó.

Việc bố trí vốn thực hiện dự án tuân thủ theo các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết. Việc lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký kết, thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết.

Áp dụng mẫu hồ sơ mời thầu và thanh toán, quyết toán dự án

Mẫu hồ sơ mời thầu đối với gói thầu xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ áp dụng theo mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa của pháp luật về đấu thầu.

Việc thanh toán, quyết toán dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán trong hồ sơ thanh toán. Việc xử lý tài sản là kết quả của dự án và tài sản phục vụ hoạt động của dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Phát triển thị trường (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

6. Nghị định số 340/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/02/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Nghị định quy định rõ các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (*nội dung chi tiết được đăng tải trên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn>, chuyên mục “VBQPPL”*), bao gồm:

- Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng giấy phép và các hành vi bị nghiêm cấm.
- Vi phạm quy định về tổ chức, quản trị, điều hành.
- Vi phạm quy định về cổ phần, cổ phiếu, phần vốn góp.
- Vi phạm quy định về huy động vốn và phí cung ứng dịch vụ.
- Vi phạm quy định về cấp tín dụng, nhận ủy thác, ủy thác và hoạt động liên ngân hàng.
- Vi phạm quy định về hoạt động thông tin tín dụng và cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng.

- Vi phạm quy định về hoạt động ngoại hối và kinh doanh vàng.
- Vi phạm quy định về thanh toán, quản lý tiền tệ và kho quỹ, cung ứng dịch vụ ngân quỹ.
- Vi phạm quy định về mua, đầu tư vào tài sản cố định, kinh doanh bất động sản và hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Vi phạm quy định về bảo hiểm tiền gửi và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.
- Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
- Vi phạm quy định về chế độ thông tin, báo cáo.
- Vi phạm quy định về cản trở việc thanh tra, kiểm tra, không thực hiện yêu cầu của người có thẩm quyền.
- Vi phạm quy định về mua, bán và xử lý nợ.
- Vi phạm quy định về an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

VNPT – Media nghiên cứu thực hiện.

7. Nghị định số 341/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Quy định cụ thể các hành vi vi phạm về quyền tác giả, quyền liên quan

Nghị định số 341/2025/NĐ-CP đã quy định rõ các hành vi vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan. Các hành vi vi phạm được mô tả cụ thể, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho công tác phát hiện, xử lý vi phạm.

Mức xử phạt được quy định rõ ràng, tăng tính răn đe

Theo quy định của Nghị định, mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm có thể lên đến 250 triệu đồng, đối với tổ chức vi phạm có thể lên đến 500 triệu đồng, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. Bên cạnh hình thức phạt tiền, nghị định còn quy định các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm xử lý nghiêm, đúng pháp luật đối với các hành vi vi phạm.

Bổ sung các biện pháp khắc phục hậu quả và xử phạt bổ sung

Ngoài hình thức xử phạt chính, Nghị định số 341/2025/NĐ-CP quy định việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc loại bỏ yếu tố vi phạm, buộc nộp lại khoản lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm; đồng thời có thể áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn theo quy định.

Quy định rõ thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính

Nghị định đã quy định cụ thể thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đối với từng chức danh, từng cơ quan có liên quan. Việc phân định rõ thẩm quyền góp phần bảo đảm việc xử lý vi phạm được thực hiện đúng thẩm quyền, kịp thời, hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình áp dụng pháp luật.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

8. Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Quảng cáo

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet trong việc ngăn chặn, gỡ bỏ quảng cáo vi phạm pháp luật trên mạng

Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet triển khai các biện pháp kỹ thuật cần thiết để ngăn chặn việc truy cập vào các quảng cáo, dịch vụ vi

phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng điện thoại, văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Công an.

Thông báo thông tin liên hệ, lưu trữ thông tin hồ sơ hoạt động quảng cáo; chế độ báo cáo, trách nhiệm khi thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian để cung cấp dịch vụ hoạt động quảng cáo trên mạng

- Các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam (bao gồm các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài) thực hiện thủ tục thông báo thông tin liên hệ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ tại Việt Nam.

- Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng phải lưu trữ thông tin, hồ sơ về hoạt động quảng cáo trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cuối cùng quảng cáo được hiển thị (nội dung lưu trữ phải đầy đủ, bảo đảm khả năng truy cập thông tin, hồ sơ) và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về hoạt động kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng tại Việt Nam.

- Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo khi thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian để cung cấp dịch vụ cần tuân thủ các quy định về minh bạch trong hoạt động quảng cáo trên mạng.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Truyền thông, Phát triển thị trường (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

9. Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

- Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nhận chuyển giao công nghệ, công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Các tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ trực tuyến

trên Công dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Quy định rõ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Cơ quan có thẩm quyền phải thông báo kết quả xem xét hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc và hoàn thành việc đánh giá trong vòng 11 ngày làm việc giúp đẩy nhanh quá trình hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Điều chỉnh các quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ, bao gồm việc sửa đổi, bổ sung thông tin về tên, địa chỉ của người nộp đơn, và các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu công để thay thế thành phần hồ sơ, giảm bớt gánh nặng cho người dân và doanh nghiệp.

- Thay thế, bãi bỏ một số điều khoản không còn phù hợp, đồng thời bổ sung các mẫu biểu mới để phù hợp với quy định hiện hành.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Công nghệ, Chiến lược sản phẩm (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

10. Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Trách nhiệm giám sát dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

- Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án.

- Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án trong phạm vi quản lý. Việc kiểm tra được thực hiện ít nhất một lần đối với mỗi dự án.

- Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án trong phạm vi quản lý.

- Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan đăng ký đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Nội dung giám sát của nhà đầu tư

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và báo cáo các nội dung sau:

- Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án.
- Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định (đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định).
- Tình hình khai thác, vận hành dự án: Kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.
- Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.
- Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và hợp đồng ký kết với cơ quan có thẩm quyền.
- Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.
- Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).

Nội dung giám sát của cơ quan đăng ký đầu tư

- Nội dung theo dõi:
 - + Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư.
 - + Tổng hợp tình hình thực hiện dự án.
 - + Tổng hợp tình hình khai thác, vận hành dự án.
 - + Tổng hợp tình hình thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của dự án.

- + Việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư, tổ chức kinh tế.
- + Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.
- Nội dung kiểm tra:
 - + Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).
 - + Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư, trong đó có vốn vay và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án.
 - + Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có).
 - + Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định.
 - + Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

11. Nghị định số 27/2026/NĐ-CP ngày 19/1/2026 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia cán bộ công chức viên chức

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức

Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức là cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, chứa dữ liệu phản ánh các thông tin chung nhất về cán bộ, công chức, viên chức trong công tác quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; được lưu trữ tập trung, chia sẻ, khai thác sử dụng trên phạm vi toàn quốc. Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức được kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức để thu thập, cập nhật và thống nhất dữ liệu.

Yêu cầu đối với hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức phục vụ thu thập, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức

Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức khi xây dựng, phát triển phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

- Hỗ trợ tạo lập, cập nhật, quản lý, lưu trữ, luân chuyển dữ liệu, hồ sơ điện tử của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình làm việc, công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Có khả năng kết nối, đồng bộ dữ liệu hồ sơ điện tử vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên theo yêu cầu để bảo đảm dữ liệu liên tục được cập nhật.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức.

- Có các chức năng, tính năng cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đáp ứng yêu cầu phân cấp, phân quyền phù hợp với từng đối tượng sử dụng; phù hợp với phạm vi quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, hệ thống theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

VNPT-IT nghiên cứu thực hiện.

12. Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Cho phép Nhà nước thu hồi phần đất còn lại không thỏa thuận được

Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định về việc thu hồi đất đối với diện tích đất còn lại không thỏa thuận được của dự án sử dụng đất thông qua thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất như sau:

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua việc thu hồi phần diện tích đất còn lại không thỏa thuận được quy định tại điểm b khoản 2 và điểm d khoản 13 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15. Trường hợp dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư thì HĐND cấp tỉnh xem xét việc thu hồi phần diện tích đất còn lại không thỏa thuận được sau khi dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc đã có quyết định chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

Quy định rõ cách tính chênh lệch giá đất khi thu hồi

Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định về xác định số tiền chênh lệch giữa số tiền trung bình của giá đất đã thỏa thuận trên một đơn vị diện tích đất của loại đất đã thỏa thuận với số tiền theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tính trên một đơn vị diện tích của loại đất thu hồi trong phạm vi dự án.

Mở rộng các trường hợp sử dụng đất đa mục đích

Thêm 03 trường hợp sử dụng đất kết hợp đa mục đích căn cứ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định như sau:

Ngoài các trường hợp sử dụng đất kết hợp đa mục đích quy định tại khoản 1 Điều 218 Luật Đất đai 2024, các trường hợp khác sử dụng đất kết hợp đa mục đích, bao gồm:

- Loại đất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai 2024 được sử dụng kết hợp với mục đích năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp được sử dụng kết hợp với mục đích sự nghiệp khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Đất đai 2024.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp được sử dụng kết hợp với mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Đất đai 2024.

Linh hoạt hơn trong xây dựng và điều chỉnh bảng giá đất

Quy định các trường hợp không áp dụng bảng giá đất, quy định rõ khi nào sửa đổi, bổ sung bảng giá đất và hoàn thiện hệ số điều chỉnh giá đất theo thị trường.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Kế toán – Tài chính, Pháp chế - Thanh tra, Văn phòng Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

13. Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Giá đất và hạn mức giao đất được tính theo quy định tại thời điểm chuyển mục đích

Theo khoản 4 Điều 6 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP, giá đất ở và giá đất nông nghiệp để tính tiền sử dụng đất được lấy theo bảng giá đất tại thời điểm cơ quan nhà nước ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Theo khoản 5 Điều 6 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP, hạn mức giao đất ở để tính tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP là hạn mức giao đất ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo quy định của pháp luật về đất đai được áp dụng tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hạn mức này được xác định cho từng hộ gia đình, cá nhân.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được hình thành do tách hộ theo quy định của pháp luật thì được tính là 01 đối tượng sử dụng đất để được áp dụng chính sách tính tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định 50/2026/NĐ-CP.

Doanh nghiệp chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải hoàn trả phần được miễn, giảm

Theo Điều 7 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP, đối với tổ chức trong nước đã được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh và đã được

miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, nếu sau đó chuyển nhượng hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì phải nộp lại khoản tiền đã được miễn, giảm cho Nhà nước.

Nhà đầu tư được khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP thì trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nếu người thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 thì việc khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà nhà đầu tư đã ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp được tính cho toàn bộ dự án theo quy định tại Điều 16, Điều 31 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, điểm i khoản 22 Điều 1 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP).

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Kế hoạch – Đầu tư, Kế toán – Tài chính, Pháp chế - Thanh tra, Văn phòng Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

14. Quyết định số 137/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật:

Thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt hoặc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh có ý nghĩa quyết định khả năng tác chiến phòng thủ đất nước, bảo vệ Tổ quốc, gồm:

- Chương trình, thuyết minh, báo cáo tiến độ, báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả, sản phẩm.

- Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt, hợp đồng giao nhiệm vụ.

- Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến quá trình xây dựng, phê duyệt, tổ chức triển khai, đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động đối với nhiệm vụ, chương trình.

Bí mật nhà nước độ Tối mật:

Thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt hoặc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt có tác động trực tiếp đến quốc phòng, an ninh; bảo vệ chủ quyền quốc gia trừ các nội dung quy định tại bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, gồm:

- Chương trình, thuyết minh, báo cáo tiến độ, báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả, sản phẩm.

- Báo cáo thẩm định, Quyết định phê duyệt, hợp đồng giao nhiệm vụ.

- Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến quá trình xây dựng, phê duyệt, tổ chức triển khai, đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động đối với nhiệm vụ, chương trình.

Bí mật nhà nước độ Mật:

- Thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nội dung về quốc phòng, an ninh; chủ quyền lãnh thổ, nhân quyền; tôn giáo, dân tộc; kinh tế - xã hội, y tế đặc biệt quan trọng ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia dân tộc.

- Thông tin về sáng chế phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Thiết kế kỹ thuật của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước; tần số, hô hiệu, quy ước liên lạc của Mạng điện báo Hệ đặc biệt.

- Thiết kế kỹ thuật các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

...

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Công nghệ (Tập đoàn), các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

15. Thông tư số 42/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Trách nhiệm của doanh nghiệp

- Đối với các tiêu chuẩn: “*Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9250:2021, hoặc tiêu chuẩn ANSI/TIA-942- B:2017, hoặc tiêu chuẩn ANSI/TIA-942-C:2024, hoặc tiêu chuẩn Tier của Uptime Institute*”, doanh nghiệp tự thực hiện đánh giá sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với tiêu chuẩn và mức đảm bảo kỹ thuật đã lựa chọn; khuyến khích thực hiện công bố hợp chuẩn theo quy định của pháp luật.

- Đối với các quy chuẩn kỹ thuật “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông, ký hiệu QCVN 32:2020/BTTTT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông, ký hiệu QCVN 9:2016/BTTTT*”, doanh nghiệp có trách nhiệm:

+ Lựa chọn đơn vị đo kiểm được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định thực hiện việc đo kiểm trung tâm dữ liệu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật;

+ Thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với các quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở kết quả đo kiểm.

- Các doanh nghiệp thực hiện công bố về sự phù hợp của trung tâm dữ liệu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi đưa trung tâm dữ liệu vào sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; Trường hợp trung tâm dữ liệu có sự thay đổi dẫn đến sai khác với nội dung đã công bố, trong thời hạn 15 ngày, cơ quan, doanh nghiệp gửi báo cáo đến Sở Khoa học và Công nghệ.

- Các doanh nghiệp có trách nhiệm triển khai các biện pháp kỹ thuật để duy trì, đảm bảo sự phù hợp của trung tâm dữ liệu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Điều 4 của Thông tư này trong suốt quá trình vận hành, khai thác trung tâm dữ liệu.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT nghiên cứu thực hiện.

16. Thông tư số 47/2025/TT-BKHCN ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Thông tư áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức chính trị - xã hội, các đại học quốc gia, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, bưu chính, và các tổ chức liên quan khác.

Chế độ báo cáo định kỳ

Thông tư quy định các chế độ báo cáo định kỳ trong các lĩnh vực như hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, bưu chính, viễn thông, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, và các báo cáo của doanh nghiệp. Các báo cáo này được thực hiện theo tháng, quý, 6 tháng, năm và có thể bao gồm báo cáo đột xuất hoặc chuyên đề.

Quy định về thời hạn và phương thức báo cáo

Báo cáo định kỳ phải được gửi trước ngày 15 của tháng, quý, 6 tháng, hoặc năm báo cáo. Phương thức gửi báo cáo có thể thực hiện qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc bằng văn bản điện tử trong trường hợp hệ thống gặp sự cố kỹ thuật.

Hệ thống thông tin báo cáo

Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được xây dựng để thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo và cung cấp số liệu cho công tác chỉ đạo, điều hành. Hệ thống này kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tuân thủ các quy định pháp luật.

Trách nhiệm của các cơ quan thực hiện báo cáo

Các cơ quan thực hiện báo cáo có trách nhiệm thu thập, tổng hợp, cập nhật thông tin, số liệu báo cáo đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn. Cơ quan nhận báo

cáo có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp thông tin, số liệu từ các báo cáo gửi đến và yêu cầu điều chỉnh nếu cần thiết.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

17. Thông tư số 01/2026/TT-KTNN ngày 12/01/2026 của Kiểm toán Nhà nước quy định theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Nguyên tắc thực hiện

- Việc theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước (“KTNN”) phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch; tuân thủ quy định tại quy trình kiểm toán của KTNN, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước, quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm toán.

- Việc kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN tại đơn vị được kiểm toán chỉ thực hiện khi có quyết định kiểm tra của cấp có thẩm quyền.

- Việc kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN tại đơn vị được kiểm toán thực hiện khi hết thời hạn báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán tại báo cáo kiểm toán mà đơn vị được kiểm toán không báo cáo kết quả thực hiện hoặc báo cáo nhưng không cung cấp, cung cấp không đầy đủ bằng chứng, hồ sơ tài liệu hợp pháp, hợp lệ của việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán hoặc kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán thấp.

- Các khiếu nại, kiến nghị của đơn vị được kiểm toán phát sinh trong quá trình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán phải kịp thời được giải quyết theo Quy định khiếu nại, kiến nghị và khởi kiện trong hoạt động KTNN.

Trình tự tổ chức theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Thông tư quy định chi tiết trình tự tổ chức theo dõi việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán gồm 5 bước:

- Thu thập, tổng hợp thông tin về kết luận, kiến nghị kiểm toán và tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.
- Đánh giá tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.
- Tổ chức các hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả, hiệu lực việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.
- Cập nhật và quản trị cơ sở dữ liệu về thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán trên phần mềm Quản lý hoạt động kiểm toán của KTNN.
- Tổng hợp, báo cáo kết quả việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Về kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán, Thông tư quy định chặt chẽ trình tự từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra đến việc lập, thẩm định và phát hành báo cáo kiểm tra.

Thời hạn một cuộc kiểm tra không quá 15 ngày làm việc, trường hợp cần thiết được gia hạn một lần nhưng không quá 10 ngày làm việc. Kết quả kiểm tra phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời vào phần mềm quản lý hoạt động kiểm toán và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Thông tư cũng nêu rõ trách nhiệm xử lý trong trường hợp qua kiểm tra phát hiện vi phạm có dấu hiệu tội phạm, theo đó phải kịp thời báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước để chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền, đồng thời thực hiện các quy định liên quan đến phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

18. Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Thông tư áp dụng cho các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, các doanh nghiệp viễn thông, và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động viễn thông công ích tại Việt Nam.

Lập dự toán và quy trình thực hiện

Thông tư hướng dẫn chi tiết về việc lập dự toán, quy trình thực hiện và biểu mẫu sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Các doanh nghiệp viễn thông cần lập dự toán dựa trên kế hoạch và dự toán kinh phí được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Dự toán này sẽ làm căn cứ để thương thảo, ký kết hợp đồng, thực hiện tạm ứng, thanh toán và quyết toán.

Xác định chi phí và doanh thu phát sinh

Doanh nghiệp viễn thông phải báo cáo chi tiết về chi phí thuê và doanh thu phát sinh trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Việc xác định chi phí thuê và doanh thu phát sinh phải tuân theo các quy định của Nghị định 295/2025/NĐ-CP và Thông tư này. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

Thông tư quy định việc lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập. Các doanh nghiệp viễn thông và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập và xác nhận danh sách đối tượng được hỗ trợ. Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện sau khi có xác nhận từ cơ quan chuyên môn.

Biểu mẫu và quy trình hỗ trợ

Thông tư cung cấp các biểu mẫu và quy trình chi tiết cho việc hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, bao gồm cả hỗ trợ thiết bị đầu cuối. Các biểu mẫu này được quy định trong các phụ lục kèm theo Thông tư, giúp các bên liên quan thực hiện đúng quy trình và đảm bảo tính minh bạch trong việc hỗ trợ.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn) nghiên cứu thực hiện.

19. Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 27/01/2026 của Bộ Tài chính về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính năm 2025

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Nội dung chi tiết của Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 27/01/2026 được đăng tải trên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn>, chuyên mục “VBQPPL”.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.

20. Quyết định số 671/QĐ-BKHCN ngày 29/01/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2025

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/01/2026

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý

Nội dung chi tiết của Quyết định số 671/QĐ-BKHCN ngày 29/01/2026 được đăng tải trên website <https://thuvienquydingh.vnpt.vn>, chuyên mục “VBQPPL”.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai VBQPPL

Các Ban thuộc Tập đoàn, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn nghiên cứu thực hiện.